

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 394 /TTr-STNMT-TTCNTTTN&MT ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND Tỉnh;
- UBND TTQVN tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TL, HB. 15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hữu Hoàng**

## QUY CHẾ

### **Thu thập, quản lý, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2800/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định cụ thể việc thu thập, quản lý, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14 ngày 6 tháng 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây gọi là Nghị định 73/2017/NĐ-CP).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là liệt kê các đối tượng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường để thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là nội dung mô tả các thuộc tính của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là phần rút gọn của thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, được công bố để phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

#### **Điều 4. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 4, Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định tại Điều 12 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

3. Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ các nguyên tắc được quy định tại Điều 5, Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

#### **Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

### **Chương II**

#### **THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

a) Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xác định thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi

trường cần thu thập lập danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 01 - Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định tại Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp danh sách thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và danh sách thông tin dữ liệu cần thu thập, cập nhật tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, dự thảo Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, xong trước ngày 31 tháng 8 hàng năm;

c) Sau khi phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan đến các dữ liệu cần thu thập.

### **Điều 7. Thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp tỉnh.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị đầu mối quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh căn cứ kế hoạch được phê duyệt thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp;

d) Cung cấp, cập nhật vào danh mục thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài

nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

4. Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo hình thức và quy trình tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

5. Việc thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 8. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của UBND tỉnh (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh) do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

### **Điều 9. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

### **Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

#### **1. Lưu trữ dữ liệu**

a) Dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ;

b) Việc lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

#### **2. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, dữ liệu số**

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng;

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

## **Chương IV**

### **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 11. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Trang hoặc Cổng thông tin điện tử, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về

bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh trên cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa và công bố trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 12. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng các hình thức được quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

## **Chương V**

### **KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 13. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện theo quy định tại Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh trên môi trường điện tử;

b) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh trên môi trường điện tử.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công theo các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để duy trì, nâng cấp hoạt

động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

4. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí thường xuyên, hàng năm phục vụ hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

5. Sở thông tin và Truyền thông xây dựng các quy định về công nghệ thông tin có liên quan; hướng dẫn, giám sát việc chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

#### 1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh hàng năm; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng và công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;

c) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử tài nguyên và môi trường phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

đ) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường;

e) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường kèm theo danh mục thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu) trước ngày 15/12 hàng năm theo quy định.

## 2. Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh;

b) Cung cấp danh sách thông tin, dữ liệu và thông tin mô tả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30/11 hàng năm.

## 3. Tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ... (có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

## **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.